TÒA ÁN NH DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

B án số: 47/2019/HSST
Ngày 30 tháng 9 năm 2019

NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NH DÂN HUYỆN T

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

**** Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa***: Ông Nguyễn Ánh Dương
* ***Các Hội thẩm nH dân***:
1. Ông Nguyễn Lâm Giang.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam - Cán bộ Tòa án nH dân huyện T.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ – Kiểm sát viên .

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nH dân huyện T, tỉnh B xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 47/2019/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2019/HSST- QĐ ngày 17 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo:

* Họ và tên: Nguyễn Thị V, sinh ngày 14/10/2000
- Tên gọi khác: Không;
- Nơi sinh và cư trú: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh B
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12;
- Họ tên cha: Nguyễn Văn B- sinh năm 1978;
- Họ tên mẹ: Nguyễn Thị L - sinh năm 1976;
- Gia đình bị cáo có ba người con, bị cáo là con thứ nhất
- Con: Bị cáo có 01 người con sinh ngày 25/4/2019.
- Tiền án, tiền sự: không có
- Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại:
- Chị Tạ Thị H, sinh năm 1996 (Có mặt tại phiên tòa)
Trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.
* Người đại diện theo ủy quyền của chị Tạ Thị H:

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1992 (Có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1964(Có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B.

- Đại diện Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank), Chi nhánh B- Do ông Ngô Văn B, Giám đốc đại diện (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số 303 đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, Chi nhánh B- Do ông Nguyễn Quang H, Giám đốc đại diện (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số 569 đường Lê Lợi, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B.

- Đại diện Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), Chi nhánh B- Do ông Nguyễn Văn K, Giám đốc đại diện (Vắng mặt tại phiên tòa).

Địa chỉ: Số 2, đường Nguyễn Gia Thiều, phường Trần Phú, thành phố B.

- Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1978 (Có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, tỉnh B .

* Người làm chứng:

- Ông Tạ Văn O, sinh năm 1970(Có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B.

- Chị Tạ Thị Lan, sinh năm 1994(Có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Phố T, xã L, huyện T, tỉnh B.

- Anh Trần Văn H, sinh năm 1992(Có mặt tại phiên tòa)

Trú tại: Tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 3 năm 2019, Nguyễn Thị V- sinh năm 2000, trú tại thôn L, xã P, huyện T, tỉnh B đến nhà bà Nguyễn Thị X- sinh năm 1964 trú tại thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B chơi với chị Tạ Thị H- sinh năm 1996 trú tại tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh N (chi H là con gái bà X). Tại đây, chị H rủ V đi cùng chị H xuống thị trấn Cao Thượng, huyện T, tỉnh B để chị V rút tiền tại cây rút tiền ATM của Ngân hàng BIDV, sau khi rút tiền xong chị H và V đi về. Trên đường đi, chị H có nói cho V biết trong tài khoản thẻ ATM của H có số tiền 20.000.000 đồng và mật khẩu rút tiền thẻ ATM của chị H có 4 số là ngày tháng sinh của cH chị H là anh Trần Văn H- sinh năm 1992 trú tại tổ dân phố B, thị trấn C, huyện T, tỉnh N. Do V biết anh H sinh ngày 25/10/1992 nên V đoán mật khẩu thẻ ATM của chị H là số 2510.

Khoảng 07 giờ sáng ngày 26/3/2019, V tiếp tục đến nhà bà X chơi với chị H, đến khoảng 08 giờ cùng ngày, chị H và chị gái là chị Tạ Thị Lan- sinh năm 1994

trú tại Phố T, xã L, huyện T, tỉnh B đi chợ. Khoảng 10 giờ cùng ngày, chị H và chị Lan đi chợ về, chị H để túi xách màu đen, có quai đeo, nắp túi gập, bên trong có giấy tờ tùy tH và một chiếc thẻ ATM màu vàng của Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank) ở trên chiếc đệm kê trong nhà phía bên phải hướng từ cửa vào nhà, V ngồi trên chiếc đệm trông con cho chị H, còn chị H, chị Lan và anh H nấu cơm dưới bếp. Qúa trình ngồi chơi tại đệm, con gái chị H nghịch chiếc túi xách của chị H nên làm rơi chiếc thẻ ATM ra ngoài. Do biết mật khẩu thẻ ATM và biết trong tài khoản thẻ ATM của chị H có tiền, lúc đó V đang mang thai không có tiền mua quần áo sơ sinh cho con nên V đã nảy sinh ý định trộm cắp thẻ ATM của chị H để rút tiền trong tài khoản của chị H, V lấy chiếc thẻ ATM của chị H và giấu vào trong ốp lưng điện thoại của V. Sau khi ăn cơm trưa cùng gia đình bà X xong đến khoảng 14 giờ cùng ngày, vợ cH chị H về quê cH thì V cũng ra về. Tuy nhiên, V không về nhà ngay mà điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave biển kiểm soát 98H1-235.97 đi xuống thị trấn Cao Thượng, huyện T để rút tiền trong tài khoản thẻ ATM của chị H. Khoảng 14 giờ 50 phút cùng ngày, V đến cây rút tiền ATM của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) Phòng giao dịch T ở tại Phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện Tâ Yên. Tại đây, V sử dụng thẻ ATM vừa trộm cắp được được của chị H thực hiện thao tác đút thẻ và cây ATM, nhập mật khẩu 2510 mở thẻ và rút tiền. V thực hiện 03 lần rút tiền mỗi lần rút 2.000.000 đồng (tổng số tiền rút 03 lần là 6.000.000 đồng) thì không rút tiền được nữa nên V cất số tiền đã rút được vào trong ví, sau đó để trong túi áo mưa và cài đằng trước xe mô tô và điều khiển xe mô tô đến cây rút tiền ATM của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á Phòng giao dịch huyện T ở phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện T. V vào trong cây rút tiền và thực hiện thao tác rút tiền 05 lần, trong đó 04 lần mỗi lần rút số tiền 3.000.000 đồng và 01 lần rút số tiền 2.000.000 đồng, V để số tiền vừa rút được vào trong ví cùng với số tiền rút lúc trước và để vào trong cốp xe mô tô rồi điều khiển xe mô tô về nhà. Tổng số tiền V trộm cắp được trong tài khoản của chị H qua thẻ là 20.000.000 đồng. Số tiền trộm cắp được V đã sử dụng mua đồ dùng cho trẻ sơ sinh và chi tiêu cá nH hết. Chiếc thẻ ATM của chị H V đút vào trong ốp điện thoại, khoảng 10 ngày sau V bị mất chiếc điện thoại bên trong có chiếc thẻ ATM của chị H.

Sau khi phát hiện bị mất tiền trong tài khoản, ngày 05/4/2019, chị H đến Cơ quan điều tra Công an huyện T trình báo về sự việc bị kẻ gian trộm cắp tiền trong tài khoản.

Bằng các biện pháp nghiệp vụ, Cơ quan điều tra tiến hành đấu tranh với Nguyễn Thị V, V đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Quá trình điều tra, Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng đã xác định số tài khoản 81884811 mở tài khoản ngày 03/06/2015, tên chủ tài khoản là Tạ Thị H ở huyện T, tỉnh N. Ngày 26/3/2019 số tài khoản 81884811 thực hiện việc giao dịch ở cây rút tiền ATM của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam (Phố Mới- BIDV, B) thời gian: từ 14 giờ 58 phút đến 15 giờ 03 phút rút 03 lần tổng số tiền 6.000.000 đồng và giao dịch tại cây rút tiền ATM

của Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (Phòng giao dịch huyện T- B) thời gian: từ 15 giờ 09 phút đến 15 giờ 15 phút rút 05 lần tổng số 14.000.000 đồng.

- Quá trình điều tra, Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á phòng giao dịch huyện T đã cung cấp 10 B video clip ghi nhận hình ảnh người thực hiện giao dịch rút tiền tại cây ATM của Phòng giao dịch T trong khoảng thời gian từ 15 giờ 05 phút đến 15 giờ 16 phút ngày 26/03/2019 dưới hình thức copy vào UBS được niêm phong trong phong bì.

- Ngày 27/5/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển B cung cấp hình ảnh người rút tiền tại cây ATM của phòng giao dịch T trong khoảng thời gian 10 phút, từ 14 giờ 55 ngày 26/03/2019 và video clip người rút tiền tại máy ATM của phòng giao dịch huyện T qua USB. USB chứa Video clip được niêm phong trong phong bì.

Ngày 09/6/2019, chị Tạ Thị H đã giao nộp 3 tờ giấy A4 nội dung tin nhắn rút tiền trong tài khoản phù hợp với nội dung thông tin địa chỉ của các cây rút tiền ATM và số tiền rút mà tài khoản số 81884811 thực hiện giao dịch ngày 26/3/2019 do Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng cung cấp.

Ngày 19/6/2019, chị Tạ Thị H giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc túi xách loại có quai đeo, nắp túi gập, túi bằng da màu đen, kích thước (21,5 x 17,5)cm là chiếc túi đựng thẻ ATM của chị H trước khi bị trộm cắp.

Quá trình điều tra, ngày 08/6/2019, Nguyễn Thị V đã giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 chiếc xe mô tô nhãn nhiệu Honda - Wave màu sơn đen bạc có biển kiểm soát 98H1-235.97 và đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị V; 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu xanh; 01 chiếc áo khoác, loại áo phao màu xanh dương có mũ trùm đầu; 01 quần dài nữ màu tím than.

Đối với chiếc thẻ ATM, V đã đánh mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi lại được chiếc thẻ này.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã cho Nguyễn Thị V và chị Tạ Thị H nhận dạng người thực hiện giao dịch rút tiền tại cây ATM trong video clip do Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á Phòng giao dịch huyện T và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam Phòng giao dịch huyện T cung cấp; Kết quả Nguyễn Thị V và Tạ Thị H đều khẳng định người thực hiện việc rút tiền tại các cây rút tiền trong các video clip trên là Nguyễn Thị V.

Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, V đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị Tạ Thị H với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Đến nay, chị H không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã xác định được 01chiếc túi xách loại có quai đeo, nắp túi gập, túi bằng da màu đen, kích thước (21,5 x 17,5)cm là tài sản của chị H không liên quan đến việc phạm tội, tuy nhiên đến nay chị H không có yêu cầu đề nghị lấy lại chiếc túi xách này.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn nhiệu Honda- Wave màu sơn đen, bạc có biển kiểm soát 98H1-235.97 mà V sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp là tài sản của ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1978 ở thôn L, xã P, huyện T (là bố đẻ của V). Tuy

nhiên, sau khi mua xe, ông B đã đăng ký chiếc xe mô tô này mang tên Nguyễn Thị V.

Đối với 01chiếc mũ bảo hiểm, loại nửa đầu màu xanh; 01chiếc áo khoác, loại áo phao màu xanh dương có mũ trùm đầu; 01 quần dài nữ màu tím than đây là tài sản của Nguyễn Thị V không sử dụng vào việc phạm tội.

Trong quá trình điều tra, truy tố Nguyễn Thị V thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự, phạm tội khi đang có thai.

B Cáo trạng số: 44/CT-VKS, ngày 27/8/2019 Viện kiểm sát nH dân huyện T truy tố Nguyễn Thị V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nH dân huyện T giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội dung cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nH tH bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1, điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm n, Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65- BLHS. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 10 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 20 tháng đến 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị V cho UBND xã P, huyện T, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

* Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

* Áp dụng khoản 2 Điều 47 của BLHS; điểm c khoản 2, điểm a điểm b khoản 3 Điều 106 của BLTTHS:

Trả lại cho ông Nguyễn Văn B 01 chiếc xe mô tô nhãn nhiệu Honda - Wave màu sơn đen bạc có biển kiểm soát 98H1-235.97, số máy JA39E0507645, số khung 3908HY532485 và đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị V.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị V: 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu xanh có chữ "LUCKY"; 01 chiếc áo khoác, loại áo phao màu xanh dương có mũ trùm đầu; 01 quần dài nữ màu tím than.

Tịch thu của chị Tạ Thị H 01 chiếc túi xách loại có quai đeo, nắp túi gập, túi bằng da màu đen, kích thước (21,5 x 17,5)cm để tiêu hủy.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo Nguyễn Thị V nói lời sau cùng: Bị cáo ăn năn, hối cải. Đề nghị cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Từ sau ngày 27/8/2019 đến khi Tòa án thụ lý ngày 30/8/2019, Viện kiểm sát không tiếp tục áp dụng một trong các biện pháp ngăn

chặn theo Điều 109 BLTTHS là có thiếu sót. Các hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nH dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Khoảng 10 giờ 20 phút, ngày 26/3/2019, tại gia đình bà Nguyễn Thị X trú tại thôn T, xã L, huyện T, tỉnh B, Nguyễn Thị V có hành vi trộm cắp 01 chiếc thẻ ATM (màu vàng của Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng) của chị Tạ Thị H. Thời gian từ khoảng 14 giờ 55 phút đến 15 giờ 15 phút cùng ngày, V đã sử dụng chiếc thẻ ATM thực hiện giao dịch rút tiền, trộm cắp số tiền 20.000.000 đồng trong tài khoản của chị H tại cây rút tiền ATM của Ngân hàng Thương mại cổ phần Đông Á Phòng giao dịch huyện T và Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam Phòng giao dịch huyện T đều ở phố Mới, thị trấn Cao Thượng, huyện T.

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị V phù hợp với: B tường trình và lời khai của bị cáo Nguyễn Thị V, phù hợp đơn trình báo, lời khai của bị hại Tạ Thị H, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, hành vi trên của bị cáo Nguyễn Thị V đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo hoàn toàn đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nH dân huyện T và kết luận của Kiểm sát viên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an địa phương. Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo việc giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội phạm này.

[4] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: không có.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy: Sau khi phạm tội bị cáo V đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho người bị hại. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Người bị hại có đơn xin miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Nên, bị cáo Nguyễn Thị V được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, Điểm i, Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51 BLHS. Tại thời điểm xét xử bị cáo đang nuôi con nhỏ nên không áp dụng tình tiết người phạm tội là phụ nữ có thai như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát

[5] Xem xét nH tH của bị cáo Nguyễn Thị V là người chưa có tiền án, chưa có tiền sự. B tH bị cáo V ngoài lần vi phạm này thì chưa có lần vi phạm pháp luật nào khác. Bị cáo V có nơi thường trú cụ thể, rõ ràng, quá trình sinh sống ở địa phương luôn chấp hành tốt pháp luật, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của công dân ở

nơi cư trú. Xét thấy việc không bắt bị cáo V đi chấp hành hình phạt tù thì cũng không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu trong cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm. Nhằm đề cao chính sách nH đạo, khoan H của pháp luật đối với người phạm tội, tạo cơ hội cho họ sửa chữa, cải tạo thành công dân có ích cho xã hội, do vậy đối với bị cáo V không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù có thời hạn mà cho bị cáo V được hưởng mức án treo theo quy định tại Điều 65 của BLHS cũng đủ để bị cáo V lấy đó làm bài học tu dưỡng rèn luyện B tH làm người có ích cho gia đình và xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của B án đã cho hưởng án treo.

Cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 Điều 173 BLHS đối với bị cáo Nguyễn Thị V để đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, V đã bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị Tạ Thị H với tổng số tiền 30.000.000 đồng. Đến nay, chị H không có yêu cầu đề nghị gì về việc bồi thường thiệt hại nên không đặt ra xem xét.

[7] Áp dụng điểm a khoản 1, Điều 47 của BLHS; điểm a, khoản 2 Điều 106 của BLTTHS:

Ngày 19/6/2019, chị Tạ Thị H giao nộp cho Cơ quan điều tra 01 chiếc túi xách loại có quai đeo, nắp túi gập, túi bằng da màu đen, kích thước (21,5 x 17,5)cm là chiếc túi đựng thẻ ATM của chị H trước khi bị trộm cắp nên cần trả lại cho chị Tạ Thị H.

Quá trình điều tra, ngày 08/6/2019, Nguyễn Thị V đã giao nộp cho Cơ quan điều tra: 01 chiếc xe mô tô nhãn nhiệu Honda - Wave màu sơn đen bạc có biển kiểm soát 98H1-235.97 và đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị V mà V sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp. Đây là tài sản pháp luật quy định bắt buộc phải đăng ký quyền sở hữu và mang tên chủ sở hữu tài sản. Mặt khác, sau khi mua xe mô tô này ông Nguyễn Văn B (là bố đẻ của bị cáo V) thể hiện ý trí để bị cáo V mang tên đăng ký xe mô tô, thực tế bị cáo V quản lý, sử dụng. Sau khi có đăng ký xe mô tô mang tên bị cáo V thì ông B, bị cáo V không khiếu nại gì về việc bị cáo V mang tên đăng ký xe mô tô trên là thừa nhận để bị cáo Nguyễn Thị V sở hữu xe mô tô này nên việc ông Nguyễn Văn B (là bố đẻ của bị cáo V) trình bày chiếc xe mô tô trên là tài sản của ông B là không có cơ sở. Do vậy, cần tịch thu 01 chiếc xe mô tô nhãn nhiệu Honda - Wave màu sơn đen bạc có biển kiểm soát 98H1-235.97 cùng đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị V mà bị cáo V sử dụng làm phương tiện đi trộm cắp để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị V: 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu xanh; 01 chiếc áo khoác, loại áo phao màu xanh dương có mũ trùm đầu; 01 quần dài nữ màu tím than là tài sản của bị cáo V không sử dụng vào việc phạm tội.

[8] Đối với chiếc thẻ ATM, V đã đánh mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi lại được chiếc thẻ này để xử lý.

Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng, Chi nhánh B không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á, Chi nhánh B đã cung cấp USB (là vật chất) lưu clip video hình ảnh liên quan hành vi trộm cắp của bị cáo V rút tiền của ngân hàng lưu kèm theo hồ sơ vụ án. Nay Ngân hàng không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

Đối với Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Chi nhánh B đã cung cấp USB (là vật chất) lưu clip video hình ảnh liên quan hành vi trộm cắp của bị cáo V rút tiền của ngân hàng lưu kèm theo hồ sơ vụ án. Nay Ngân hàng không có yêu cầu, đề nghị gì nên không đặt ra xem xét.

Bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2. Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 173; Điểm b, Điểm i, Điểm s, khoản 1, khoản 2, Điều 51; Điều 65 của BLHS; Điều 2; khoản 02 Điều 6 Nghị quyết số: 02/2018/NQ- HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán TANDTC.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị V 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Thị V 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) để sung quỹ nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Thị V cho UBND xã P, huyện T, tỉnh B giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của B án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Áp dụng điểm a khoản 1, Điều 47 của BLHS; điểm a, khoản 2 Điều 106 của BLTTHS:

Tịch thu của bị cáo Nguyễn Thị V 01 chiếc xe mô tô nhãn nhiệu Honda - Wave màu sơn đen bạc có biển kiểm soát 98H1-235.97, số máy JA39E0507645, số khung 3908HY532485 cùng đăng ký xe mô tô mang tên Nguyễn Thị V để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị V: 01 mũ bảo hiểm loại nửa đầu màu xanh có chữ "LUCKY"; 01 chiếc áo khoác, loại áo phao màu xanh dương có mũ trùm đầu; 01 quần dài nữ màu tím than.

Trả lại chị Tạ Thị H 01 chiếc túi xách loại có quai đeo, nắp túi gập, túi bằng da màu đen, kích thước (21,5 x 17,5)cm.

5. Áp dụng khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị V phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có mặt) có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan (vắng mặt) có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt (hoặc niêm yết) B án.

Trường hợp B án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận
- TAND Tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- Chi cụcTHADS huyện T;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu Hs, Vp.

Nguyễn Ánh Dương